

Số: 99/TB-UBND

Tiến Thịnh, ngày 07 tháng 8 năm 2024

THÔNG BÁO

Về việc công khai danh sách các trường hợp đề nghị xét tặng, truy tặng
“Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang”
trên địa bàn xã Tiến Thịnh năm 2024

Căn cứ Nghị định số 28/2024/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục xét tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang” và việc khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến; Thông tư số 02/2024/TT-BNV ngày 12/6/2024 của Bộ Nội vụ quy định biện pháp thi hành Nghị định số 28/2024/NĐ-CP ngày 06/3/2024 của Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục xét tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang” và việc khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến; Căn cứ Văn bản số 2330/UBND-NC ngày 17/7/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc xét tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang” và khen thưởng thành tích kháng chiến; Căn cứ văn bản số 2104/UBND-NV ngày 25/7/2024 của UBND huyện Mê Linh về việc Hướng dẫn xét tặng, truy tặng “Huy chương thanh niên xung phong vẻ vang” và khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến;

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TIẾN THỊNH

Công khai danh sách các trường hợp đề nghị xét tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang” cụ thể như sau: Tổng số 76 trường hợp. Trong đó:

- 1- Thanh niên xung phong chống Mỹ cứu nước: 46 trường hợp.
Trong đó: 30 trường hợp còn sống
16 trường hợp đã chết, thân nhân khai thay
- 2- Thanh niên xung phong công nhận phân hiệu-P147: 30 trường hợp.
Trong đó: 25 trường hợp còn sống
05 trường hợp đã chết, thân nhân khai thay
(có danh sách kèm theo)

Mọi thắc mắc về nội dung và số liệu hỗ trợ đề nghị gửi bằng văn bản về UBND xã Tiến Thịnh (qua bộ phận Văn phòng UBND xã - Đồng chí Trần Quang Khải, công chức VPTK xã).

Sau thời gian công khai, UBND xã Tiến Thịnh sẽ tổng hợp, báo cáo UBND huyện Mê Linh, Hội đồng thi đua khen thưởng huyện Mê Linh xét xét tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang” theo quy định./.

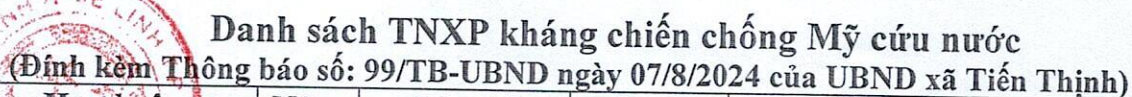
Nơi nhận:

- UBND huyện Mê Linh (để b/cáo);
- Hội đồng TĐKT huyện (để b/cáo);
- UBND xã, Hội đồng TĐKT xã (để thực hiện);
- Lưu VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Anh Tân



STT	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ	Thời gian tham gia	Giấy tờ kèm theo			Ghi chú
					Quyết định	Kỉ niệm chương	Khác	
1.	Nguyễn Tân Hoàn	1950	Thanh Diêm	33 tháng	x	x	x	N295P31
2.	Hồ Thị Mùi	1949	Yên Giáp	39 tháng	x	x		N97P30
3.	Đàm Văn Để	1949	Kỳ Đồng	37 tháng	x	x		N103P41
4.	Nguyễn Thị Hiền	1951	Thanh Diêm	34 tháng	x	x	x	N295P31
5.	Trần Thị Chanh	1952	Thanh Diêm	34 tháng	x	x	x	N295P31
6.	Nguyễn Thị Huệ	1950	Trung Hà	34 tháng	x	x		N295P31
7.	Đặng Văn Kiện	1950	Yên Thị	34 tháng	x	x	x	N295P31
8.	Đỗ Văn Thành	1952	Yên Thị	34 tháng	x	x		N295P31
9.	Nguyễn Thị Diệp	1950	Yên Thị	34 tháng	x	x		N295P31
10.	Lê Văn Xanh	1954	Yên Thị	34 tháng	x	x		N295P31
11.	Đoàn Văn Tuất	1945	Yên Thị	36 tháng	x	x		C311CT130
12.	Lê Thị Giang	1950	Yên Thị	36 tháng	x	x		N97P30
13.	Nguyễn Thị Minh	1950	Yên Thị	37 tháng		x		N103P41
14.	Nguyễn Văn Bền	1949	Yên Giáp	36 tháng	x	x	x	N97.937P30
15.	Vũ Đức Lâm	1946	Yên Thị	48 tháng	x	x		C311CT130
16.	Hoàng Xuân Tường	1947	Yên Thị	30 tháng	x	x		C311CT130
17.	Đoàn Văn Hồ	1942	Yên Thị	36 tháng	x	x		C311CT130
18.	Hoàng Văn Hợi	1943	Yên Thị	48 tháng	x	x		C311CT130
19.	Nguyễn Thị Khang	1945	Yên Thị	49 tháng	x	x		C311CT130
20.	Nguyễn Thị Tý	1952	Yên Thị	36 tháng	x	x		N97.P30
21.	Trần Công Viên	1944	Thọ Lão	31 tháng	x	x		C311CT130
22.	Đào Quang Thuối	1942	Thọ Lão	36 tháng	x	x		C311CT130
23.	Trần Văn Việt	1940	Thọ Lão	36 tháng	x	x		C311CT130
24.	Trần Thị Minh	1947	Thọ Lão	36 tháng	x	x		N103P41
25.	Trần Thị Hữu	1952	Thọ Lão	36 tháng	x	x		N97P30
26.	Trần Thị Thú	1948	Thọ Lão	36 tháng	x	x		N97P30
27.	Trần Thị Khê	1952	Thọ Lão	36 tháng	x	x		N97P30
28.	Hà Thị Tuyết	1949	Kỳ Đồng	38 tháng	x	x		N103P41
29.	Đàm Thị Bích Thảo	1947	Kỳ Đồng	38 tháng	x	x		N103P41
30.	Hoàng Thị Mai	1955	Yên Thị	34 tháng	x	x		N295P31
31.	Vũ Văn Tý	1952	Yên Thị	34 tháng		x	N295P31	Đã chết

32.	Hồ Văn Phúc	1946	Yên Thị	34 tháng	x	x	N295P31	Đã chết
33.	Bùi Thị Lập	1953	Yên Thị	34 tháng	x	x	N295P31	Đã chết
34.	Nguyễn Thị Len	1943	Kỳ Đồng	84 tháng	x	x	C632 TS	Đã chết
35.	Bùi Thị Hoa	1947	Yên Thị	50 tháng	x	x	N103P41	Đã chết
36.	Vũ Văn Lộc	1947	Yên Thị	49 tháng	x	x	N103P41	Đã chết
37.	Đoàn Văn Nghi	1940	Yên Thị	49 tháng	x	x	C311CT130	Đã chết
38.	Hà Minh Nhiên	1946	Yên Thị	36 tháng	x	x	C311CT130	Đã chết
39.	Đỗ Văn Minh	1943	Yên Thị	36 tháng	x	x	C311CT130	Đã chết
40.	Trần Văn Chải	1948	Thanh Diễm	37 tháng	x	x	N103P41	Đã chết
41.	Trần Đình Tường	1932	Thọ Lão	46 tháng	x	x		Đã chết
42.	Trần Văn Hồng	1945	Thọ Lão	99 tháng	x	x	C311CT130	Đã chết
43.	Đào Thị Đối	1949	Thọ Lão	36 tháng	x	x	N97P30	Đã chết
44.	Vũ Thị Cay	1945	Yên Thị	33 tháng	x	x	C311CT130	Đã chết
45.	Nguyễn Văn Giáp	1940	Thanh Diễm	45 tháng	x	x	C311CT130	Đã chết
46.	Nguyễn Thanh Sơn	1941	Yên Thị	45 tháng	x		C311CT130	Đã chết



Danh sách TNXP theo quyết định công nhân phiên hiệu P147
(Đính kèm Thông báo số: 99/TB-UBND ngày 07/8/2024 của UBND xã Tiến Thịnh)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ	Thời gian tham gia	Giấy tờ kèm theo			Ghi chú
					Quyết định	Kỉ niệm chương	Khác	
1	Trần Thanh Hải	1957	Kỳ Đồng	51 tháng	X		Nghỉ hưu	P147
2	Đỗ Văn Tiến	1959	Yên Thị	48 tháng	X			P147
3	Hồ Văn Hùng	1955	Yên Thị	48 tháng	X			P147
4	Vũ Văn Xây	1957	Yên Thị	51 tháng	X			P147
5	Đào Thị Bốn	1959	Kỳ Đồng	51 tháng	X		Nghỉ hưu	P147
6	Đoàn Minh Cẩn	1959	Chu Trần	48 tháng	X		Nghỉ hưu	P147
7	Nguyễn Văn Côn	1960	Thanh Diêm	36 tháng	X			P147
8	Trần Văn Bính	1954	Thanh Diêm	36 tháng	X			P147
9	Trần Anh Lai	1948	Thọ Lão	48 tháng	X			P147
10	Nguyễn Văn Cơ	1944	Kỳ Đồng	47 tháng	X			P147
11	Nguyễn Thị Cử	1960	Thanh Diêm	36 tháng	X			P147
12	Nguyễn Thị Dự	1959	Thanh Diêm	36 tháng	X			P147
13	Nguyễn Thị Hảo	1956	Thanh Diêm	36 tháng	X			P147
14	Nguyễn Văn Thục	1940	Thanh Diêm	36 tháng	X			P147
15	Nguyễn Thị Thơ	1959	Thanh Diêm	36 tháng	X			P147
16	Trần Ngọc Oánh	1959	Thanh Diêm	36 tháng	X			
17	Vũ Thị Phụng	1958	Yên Giáp	51 tháng	X			P147
18	Vũ Văn Thiện	1948	Yên Thị	32 tháng	X			
19	Nguyễn Thị Nối	1959	Yên Giáp	48 tháng	X			P147
20	Trần Văn Chuyển	1958	Trung Hà	45 tháng	X			P147
21	Đào Văn Khoa	1959	Yên Giáp	27 tháng	X			P147
22	Lê Thị Lan	1955	Yên Giáp	51 tháng	X			P147
23	Nguyễn Văn Xuân	1958	Yên Giáp	27 tháng	X			P147
24	Nguyễn Văn Tuất	1944	Yên Giáp	51 tháng	X			P147
25	Lê Văn Thảo	1955	Yên Giáp	51 tháng	X			
26	Đàm Đức Thắng	1957	Yên Giáp	36 tháng			x	Đã chết
27	Đỗ Văn Hoạch	1956	Yên Thị	49 tháng	X			Đã chết
28	Vũ Văn Tu	1945	Yên Thị	48 tháng	X			Đã chết
29	Nguyễn Quốc Lập	1947	Thanh Diêm	36 tháng	X			Đã chết
30	Đặng Văn Thế	1941	Yên Giáp	36 tháng	X			Đã chết